

LỘC GIÁC SƯƠNG

Giới hạn nhiễm vi sinh vật

Đáp ứng yêu cầu giới hạn nhiễm vi sinh vật của thuốc uống có nguồn gốc tự nhiên (Phụ lục 13.6).

Định lượng

Cân chính xác khoảng 0,05 g chế phẩm đã cắt nhỏ, tiến hành theo phương pháp định lượng nitrogen toàn phần trong hợp chất hữu cơ (Phụ lục 10.9, phương pháp 1).

Chế phẩm phải chứa ít nhất 10,0 % nitrogen toàn phần, tính theo chế phẩm khô.

Bảo quản

Gói vào giấy sạch để vào ngăn mát tủ lạnh, nên dùng trong 1 năm kể từ ngày chế biến. Hoặc để nơi mát, thoáng và khô; mùa hè nên để trong thùng kín, dưới đáy lót một ít vôi sống.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, hơi mặn, tính ôn. Vào các kinh thận, can, tâm, tâm bào.

Công năng, chủ trị

Bổ nguyên dương, tư bổ khí huyết, tăng cường sức khỏe. Chủ trị: Trị các chứng lậu huyết, băng huyết, đau lưng gối, mỏi chân tay, di tinh, hoạt tinh, động thai. Bồi bổ cơ thể cho người ốm lâu ngày, người già yếu, trẻ em còi xương chậm lớn.

Cách dùng, liều lượng

Cắt thành từng miếng nhỏ, ngâm nhai nuốt hoặc cho vào bát, thêm ít mật ong, hấp vào nồi cơm cho tan ra rồi ăn. Tốt nhất là lấy cao ngâm rượu, hoặc cho cao vào nước long nhãn hấp trong nồi cơm, ăn trước khi ăn sáng. Nếu ngâm rượu thì uống trước khi ăn tối (vào buổi tối). Ngày ăn hoặc uống 1 lần.

Kiêng kỵ

Người có bệnh hư hàn không dùng.

Ghi chú

Cao ban long còn được nấu từ gạc Nai, vì gạc Nai dễ mua, giá thấp. Tuy nhiên cao Gạc hươu là quý hơn.

LỘC GIÁC SƯƠNG

Cervi Cornu degelatinatum

Bã gạc hươu (miếng gạc còn lõi cứng, bóp không nhũn sau khi nấu cao) được làm khô. Chọn trong đồng bã gạc hươu sau khi đun lấy nước 3 lần để nấu cao để lấy miếng gạc còn ít lõi chưa bị hòa tan (mảnh bã gạc hươu bóp không nhũn), đem phơi khô. Khi nghiền hoặc tán nhỏ sẽ thành bột trắng.

Mô tả

Khối hình trụ tròn dài hoặc chẻ thành từng miếng, bị vỡ, lớn nhỏ không đều nhau. Mặt ngoài màu trắng, có chất bột, thường có cạnh dọc, đôi khi có điểm chấm nhỏ, màu xám hoặc nâu xám. Thề nhẹ, chất xốp, giòn. Mặt bẻ gãy có phần ngoài tương đối đặc, màu trắng hoặc trắng xám, phần

DUỐC ĐIỂN VIỆT NAM VI

giữa có lỗ dạng tổ ong, màu nâu xám hoặc vàng xám. Có tính hút ẩm. Vị nhạt, nhai có cảm giác dính răng.

Độ ẩm

Không được quá 8,0 % (Phụ lục 9.6, 2 g, 105 °C, 5 h).

Bảo quản

Đề trong đồ đựng kín, tránh mốc, nên dùng trong 6 tháng.

Bào chế

Phơi khô, đập vụn, tán nhỏ trước khi dùng.

Tính vị, quy kinh

Vị hơi ngọt, tính ôn. Vào kinh tỳ.

Công năng, chủ trị

Kiện bổ tỳ vị. Chủ trị: Người lớn ăn uống kém, trẻ em lười ăn, đại tiện phân sống.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 12 g đến 16 g, dạng thuốc hoàn tán hoặc hòa bột thuốc với nước sắc thuốc thang để uống.

Kiêng kỵ

Tỳ vị nhiệt, táo bón không dùng.

LỘC NHUNG

Cervi Cornu Pantotrichum

Nhung hươu, Nhung huyết

Sừng non có lông nhung và chưa bị xương hóa của con Hươu đực (*Cervus nippon* Temminck), họ Hươu (Cervidae). Thu hoạch vào mùa xuân, rửa lấy Lộc nhung và tiến hành chế biến để được vị thuốc cần dùng.

Mô tả

Nhung hươu sao (còn gọi là Hoa lộc nhung): Có hình trụ, phân nhánh.

Loại có 1 nhánh phụ thường được gọi là “nhánh đôi”, nhánh chính (nhánh lớn) dài khoảng 17 cm đến 20 cm, đường kính mặt cắt ngang từ 4 cm đến 5 cm; nhánh mọc ra cao hơn mặt cắt khoảng 1 cm được gọi là “nhánh phụ” dài từ 9 cm đến 15 cm, đường kính hơi nhỏ hơn nhánh chính. Lớp da mặt ngoài có màu nâu đỏ hoặc màu nâu, thường bóng, được phủ một lớp lông dày, mềm, có màu vàng đỏ hoặc vàng nâu, phần đầu trên lông dày hơn phần phía dưới, có một gân màu đen xám ở để giữa nhánh chính và nhánh phụ, da và lông dính sát vào nhau. Mặt cắt có màu trắng hơi vàng, phía ngoài không có xương, phần giữa có nhiều lỗ nhỏ dày đặc. Thề chất nhẹ. Có mùi hơi tanh, vị hơi mặn. Loại có 2 nhánh phụ thường được gọi là “nhánh ba”, nhánh chính dài 23 cm đến 33 cm và có đường kính nhỏ hơn nhánh chính của loại nhánh đôi, hình hơi cong và dẹt, đỉnh hơi nhọn, phần dưới thường có các gân dọc nổi và các u lồi lên. Da có màu vàng hơi đỏ, lông mềm hơi thưa và mấp.

Định tính

A. Lấy khoảng 0,1 g bột dược liệu, thêm 4 ml nước, đun